

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt (bổ sung) Kế hoạch sử dụng đất
năm 2019 huyện Hương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2019; Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Hương Sơn; Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hương Sơn;

Xét đề nghị của UBND huyện Hương Sơn tại Tờ trình số 182/TTr -UBND ngày 13/08/2019 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2799/TTr-STMMT ngày 23/9/2019 và Văn bản số 2831/STNMT-QHGD ngày 25/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Hương Sơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung thực hiện trong năm 2019 (theo Phụ lục số 01 Kèm theo)

2. Tổng hợp số liệu sau khi điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 (theo Phụ lục số 02 Kèm theo);

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn có trách nhiệm:

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định;

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng thẩm quyền và Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của UBND huyện Hương Sơn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND-UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Hương Sơn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH và ĐT, Xây dựng;
- TTr. Huyện ủy, TTr. HĐND H. Hương Sơn;
- Phó VP phụ trách NN;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

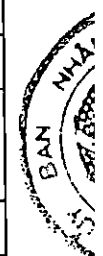


Đặng Ngọc Sơn

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 22/19/2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào các loại đất				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ KHSD đất năm 2019
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+...+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐƯỢC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CHẤP THUẬN	1,92		1,92	0,45	0,20		1,27		
1.1	Đất phi nông nghiệp	1,92		1,92	0,45	0,20		1,27		
1.1.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1,84		1,84	0,43	0,20		1,21		
1.1.1.1	Đất giao thông	1,67		1,67	0,30	0,20		1,17		
1	Dự án mở rộng nút thắt Lê Minh Hương giao với đường Lê Lợi	0,02		0,02				0,02	TT Phó Châu	228
2	QH hệ thống giao thông nội thị	0,10		0,10				0,10	TT Phó Châu	229
3	Đường giao thông nông thôn	0,40		0,40	0,30			0,10	Sơn Thủy	230
4	MR đường GT tránh lũ	1,00		1,00		0,20		0,80	Sơn Tiến	231
5	MR giao thông nông thôn	0,15		0,15				0,15	Sơn Tiến	232
1.1.1.2	Đất thủy lợi	0,05		0,05	0,05					



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào các loại đất				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ KHSD đất năm 2019
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+...+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	XD kênh mương thuộc DA cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt tỉnh Hà Tĩnh	0,05		0,05	0,05				Sơn Tân	233
1.1.1.3	Đất công trình năng lượng	0,12		0,12	0,08			0,04		
1	Đường điện	0,01		0,01				0,01	Sơn Kim 2	234
2	XD trạm biến áp, chống quá tải qua 9 xã	0,10		0,10	0,08			0,02	Sơn Hàm, Sơn Tiến, Sơn Hồng, Sơn Kim 2, Sơn Trường, Sơn Bình, Sơn Giang, Sơn Trung, Sơn Phú	235
3	XD trạm biến áp	0,01		0,01				0,01	Sơn Tiến	236
1.1.2	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,08		0,08	0,02			0,06		
1	Bãi trung chuyển rác thải	0,03		0,03	0,02			0,01	Sơn Long	237
2	Bãi xử lý rác	0,05		0,05				0,05	Sơn Phúc	238
II	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI (tự thỏa thuận bồi thường, nhận chuyển nhượng để chuyển mục đích, nhận góp vốn; thụ hồi nhưng không phải xin chấp thuận của HĐND tỉnh)	6,90	0,15	6,75	3,38			3,37		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào các loại đất				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ KHSD đất năm 2019
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+...+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.1	Đất phi nông nghiệp	6,90	0,15	6,75	3,38			3,37		
2.1.1	Đất thương mại, dịch vụ	1,50		1,50	1,50					
1	Nhà máy sản xuất rượu và bảo vệ sức khỏe Hương Sơn	1,50		1,50	1,50				Thôn Khe Cò - Xã Sơn Lễ	240
2.1.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1,39	0,15	1,24	0,75			0,49		
2.1.2.1	Đất công trình năng lượng	1,39	0,15	1,24	0,75			0,49		
1	Dự án điện REII	1,39	0,15	1,24	0,75			0,49	Sơn Diệm, Sơn Thủy, Sơn Tây, Sơn Trường	244
2.1.3	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,84		0,84				0,84		
1	Bãi trung chuyển rác thải	0,84		0,84				0,84	Sơn Diệm	245
2.1.4	Đất ở tại nông thôn	3,15		3,15	1,13			2,02		
1	QH đất ở	0,10		0,10	0,10				Sơn Tây	246
2	QH đất ở	0,25		0,25	0,18			0,07	Sơn Long	247
3	QH đất ở	0,02		0,02				0,02	Sơn Kim 2	248
4	QH đất ở	0,05		0,05				0,05	Sơn Kim 2	249
5	QH đất ở	0,26		0,26	0,20			0,06	Sơn Châu	250
6	QH đất ở	0,50		0,50				0,50	Sơn Trung	251
7	QH đất ở (đầu giá)	0,27		0,27	0,27				Sơn Trung	252



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng vào các loại đất				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên BĐ KHSD đất năm 2019
					LUA	RPH	RDD	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+...+(9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
8	QH đất ở (xen dăm)	0,12		0,12	0,12				Sơn Trung	253
9	QH đất ở	0,30		0,30				0,30	Sơn Trà	254
10	QH đất ở	0,31		0,31				0,31	Sơn Bằng	255
11	QH đất ở	0,09		0,09	0,03			0,06	Sơn Hàm	256
12	QH đất ở	0,02		0,02				0,02	Sơn Mai	257
13	QH đất ở	0,07		0,07				0,07	Sơn Thịnh	258
14	QH đất ở	0,40		0,40	0,23			0,17	Sơn Phú	259
15	QH đất ở	0,30		0,30				0,30	Sơn Diệm	260
16	QH đất ở	0,09		0,09				0,09	Sơn Tiến	261
2.1.5	Đất ở tại đô thị	0,02		0,02				0,02		
1	QH đất ở	0,02		0,02				0,02	TT Phó Châu	262
31	Tổng: 31 DMCT	8,82	0,15	8,67	3,83	0,20		4,64		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH